

NHẬN THỨC VỀ NĂNG LỰC THÔNG TIN SỨC KHỎE CỦA SINH VIÊN¹

TS Ngô Thị Huyền, TS Dương Thị Phương Chi, TS Đoàn Thị Thu,
PGSTS Nguyễn Hồng Sinh, TS Ninh Thị Kim Thoa
Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Việc tiếp cận được với các thông tin có chất lượng tốt nhằm giải quyết các vấn đề sức khỏe ngày càng nhận được sự quan tâm của mỗi người dân trong xã hội. Tập trung vào nhóm đối tượng sinh viên đại học tại Tp. Hồ Chí Minh, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu nhận thức của sinh viên về khái niệm năng lực thông tin sức khỏe, và vai trò của năng lực thông tin sức khỏe trong việc duy trì và thúc đẩy sức khỏe cá nhân và cộng đồng. Nghiên cứu đã sử dụng Facebook để xây dựng một nhóm thảo luận gồm 50 sinh viên của các trường đại học tại Tp. Hồ Chí Minh. Kết quả phân tích các bình luận của sinh viên được đăng tải trên Facebook cho thấy phần lớn sinh viên tham gia thảo luận nhận thức khái niệm năng lực thông tin sức khỏe là nhóm các kỹ năng thông tin giúp xác định nhu cầu thông tin sức khỏe, tìm kiếm, đánh giá, sử dụng thông tin sức khỏe. Đồng thời, nghiên cứu cũng ghi nhận được rằng tất cả sinh viên tham gia thảo luận đều có nhận thức tích cực về vai trò của năng lực thông tin sức khỏe đối với sức khỏe bản thân và cộng đồng.

Từ khóa: Năng lực thông tin; năng lực thông tin sức khỏe; sinh viên; Tp. Hồ Chí Minh.

STUDENTS' PERCEPTION OF HEALTH INFORMATION LITERACY

Abstract: Good quality information to tackle health issues is gaining more attention from each person in society. By focusing on a group of university students in Ho Chi Minh City, this study was executed to investigate students' understanding of the concept of health information literacy, and the role of health information literacy in sustaining and boosting individual and communal health. The research employed Facebook to form a discussion group of 50 students from universities in Ho Chi Minh City. Analysis of feedback provided by students on Facebook demonstrated that the bulk of those engaged in the discussion were familiar with the concept of health information literacy, a set of information skills that support the identification of health information needs, finding, evaluating, and utilizing health information. Simultaneously, the study documented that all participants in the dialogue had a positive outlook on the role of health information literacy in individual and community health.

Keywords: Information literacy; health information literacy; students; Ho Chi Minh City.

GIỚI THIỆU

Việc chăm sóc sức khỏe và duy trì cuộc sống lành mạnh đã và đang trở thành một nhiệm vụ quan trọng ở cả phạm vi quốc tế và quốc gia, thu hút sự chú ý không chỉ từ phía chính phủ mà còn từ người dân. Tại Việt Nam, Chính phủ đã thông qua “Chương trình Sức khỏe Việt Nam” [Thủ tướng Chính phủ, 2018] với một trong những mục tiêu quan trọng là “nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của từng cá nhân và cộng đồng, nhằm đề phòng các yếu tố nguy cơ thường gặp về sức khỏe, góp phần phòng tránh bệnh tật, bảo vệ sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng”.

Mặc dù sự hiểu biết vấn đề về sức khỏe đóng vai trò quan trọng, và người dân có thể truy cập thông tin về sức khỏe từ nhiều nguồn và dạng thức khác nhau, kết quả khảo sát của UNICEF (2018) tại Việt Nam chỉ ra rằng, nhận thức của người dân về các vấn đề liên quan đến sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội còn hạn chế. Điều này đặt ra yêu cầu cần nâng cao nhận thức về các vấn đề liên quan đến sức khỏe của người dân, trong đó có đối tượng sinh viên (SV). Đây là nhóm người trẻ đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giúp đảm bảo tương lai phát triển của quốc gia. Tại Tp. Hồ Chí Minh (TP.HCM), một trung tâm kinh tế - văn

1 Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) trong khuôn khổ Đề tài mã số “C2023-18b-03”.

hóa - xã hội hàng đầu của Việt Nam, thống kê cho thấy tỷ lệ SV của TP.HCM chiếm số lượng lớn trong tổng số SV của cả nước, và luôn gia tăng về số lượng với 462.407 người năm 2018 lên 599.782 người năm 2022 [Tổng cục Thống kê, 2022]. Điều này đòi hỏi cần có những nghiên cứu để góp phần cung cấp dữ liệu về đối tượng này nhằm đảm bảo phát triển nguồn nhân lực toàn diện không phải chỉ về chuyên môn mà còn về sức khỏe thể chất và tinh thần.

Trong bối cảnh trên, hai mục tiêu nghiên cứu chính của bài viết này là tìm hiểu nhận thức của SV đại học tại TP.HCM về: (1) khái niệm năng lực thông tin sức khỏe, và (2) vai trò của năng lực thông tin sức khỏe trong việc duy trì và thúc đẩy sức khỏe cá nhân và cộng đồng. Qua đó bài viết cung cấp sự hiểu biết về thực trạng nhận thức của SV tại TP.HCM về năng lực thông tin sức khỏe, giúp các nhà nghiên cứu và các bên liên quan hiểu hơn về thực trạng và có thể đưa ra những nghiên cứu và giải pháp phù hợp tiếp theo giúp nâng cao hiểu biết của SV về vấn đề sức khỏe.

1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

1.1. Khái niệm năng lực thông tin sức khỏe

Hiện nay, chưa có sự đồng thuận chung về cách định nghĩa khái niệm năng lực thông tin sức khỏe (NLTTSK). Cách sử dụng thuật ngữ, phạm vi hoặc trọng tâm của khái niệm NLTTSK có thể được thể hiện khác nhau khi được nghiên cứu trong những lĩnh vực khoa học khác nhau. Hiện nay, hai thuật ngữ “năng lực sức khỏe” (health literacy) và “năng lực thông tin sức khỏe” (health information literacy) thường được đề cập trong các nghiên cứu liên quan đến sức khỏe cá nhân. Nhìn chung, có hai cách tiếp cận khi định nghĩa hai khái niệm trên. Ở cách tiếp cận thứ nhất, thuật ngữ “năng lực sức khỏe” (health literacy) chú trọng vào khả năng hiểu các hướng dẫn của chuyên gia sức khỏe và khả năng giải quyết các vấn đề sức khỏe cá nhân. Sørensen et al. (2012, p.1) định nghĩa năng lực sức khỏe có liên quan đến “kiến thức và năng lực của con người để đáp ứng những nhu cầu phức tạp về sức khỏe trong xã hội hiện đại”. Ở cách tiếp cận thứ hai, thuật ngữ “năng

lực sức khỏe” (health literacy) và “năng lực thông tin sức khỏe” (health information literacy) có thể được sử dụng khi muốn đề cập đến khả năng tương tác với thông tin để giải quyết các vấn đề sức khỏe cá nhân. Nghiên cứu này sử dụng cách tiếp cận thứ hai xem “năng lực sức khỏe” và NLTTSK là những từ đồng nghĩa. Theo đó, “năng lực sức khỏe” hay NLTTSK cho phép mỗi cá nhân có thể thu nhận, xử lý và hiểu các thông tin sức khỏe và các dịch vụ cần thiết để đưa ra quyết định phù hợp về sức khỏe. Theo Tổ chức Y tế thế giới, năng lực sức khỏe thể hiện sự nhận thức và kỹ năng xã hội giúp xác định động lực và khả năng của các cá nhân để tiếp cận, hiểu và sử dụng thông tin theo cách giúp thúc đẩy và duy trì sức khỏe tốt [Nutbeam, 1998]. Các cá nhân tích lũy hiểu biết, kiến thức và năng lực về sức khỏe thông qua các hoạt động hàng ngày, tương tác xã hội và qua các thể hệ [Nutbeam & Muscat, 2021]. Cụ thể, năng lực sức khỏe thể hiện qua khả năng đọc, hiểu và sử dụng thông tin chăm sóc sức khỏe để đưa ra những quyết định phù hợp về sức khỏe và làm theo các hướng dẫn điều trị cần thiết [Afshar et al., 2022]. Hiệp hội Thư viện Y khoa Hoa Kỳ (Medical Library Association-MLA) đã gắn khái niệm năng lực thông tin vào bối cảnh chăm sóc sức khỏe bằng cách định nghĩa NLTTSK là tập hợp các khả năng cần thiết để: nhận ra nhu cầu về thông tin sức khỏe; xác định các nguồn thông tin thích hợp và sử dụng chúng để truy xuất thông tin liên quan; đánh giá chất lượng của thông tin và khả năng áp dụng chúng vào một tình huống cụ thể; phân tích, hiểu, và sử dụng thông tin để đưa ra những quyết định phù hợp về sức khỏe [Shipman et al., 2009]. Trong môi trường số, NLTTSK được hiểu là khả năng tương tác với các nguồn thông tin số để đưa ra những quyết định phù hợp về sức khỏe [Htay et al., 2022].

Một số nghiên cứu gần đây cho thấy, nhiều SV chưa có sự nhận thức đầy đủ về khái niệm NLTTSK [Nazeer et al., 2022]. Vì vậy, nhiều đề xuất đã được đưa ra nhằm giải quyết tình trạng thiếu hụt sự hiểu biết về NLTTSK. Việc tăng cường giảng dạy về NLTTSK cần được lồng ghép vào chương trình giảng dạy chính khóa trong các trường đại học.

1.2. Vai trò của năng lực thông tin sức khỏe

Nhìn chung, NLTTSK cho phép mỗi cá nhân kiểm soát sức khỏe của chính mình bằng cách đưa ra các lựa chọn chăm sóc sức khỏe thông minh và trang bị cho họ thông tin để tự bảo vệ mình trong môi trường y tế. Điều này đã được khẳng định trong nhiều nghiên cứu trước đây về vai trò của NLTTSK đối với SV. Nghiên cứu của Vâjâean và Baban (2015) chứng minh NLTTSK là một yếu tố bảo vệ giúp SV chống lại cảm xúc lo lắng và thúc đẩy việc tìm kiếm thông tin sức khỏe trực tuyến. Trong nghiên cứu của Rennis và cộng sự (2015), SV được cho là những người sử dụng internet tích cực và thường xuyên tìm kiếm thông tin trên mạng để giải quyết các nhu cầu sức khỏe cá nhân khác nhau. SV cho biết, họ cảm thấy internet giúp cho họ đưa ra quyết định về chăm sóc sức khỏe. Nghiên cứu của Fu và cộng sự (2021) cho thấy NLTTSK có thể điều tiết mối quan hệ giữa việc sử dụng quá nhiều điện thoại thông minh và các vấn đề sức khỏe bao gồm chứng mất ngủ và thị lực kém của SV tại các trường đại học. Khi nghiên cứu về năng lực sức khỏe liên quan đến Covid-19 của SV Việt Nam, Nguyen và cộng sự (2021) nhận thấy rằng khả năng tìm, hiểu, đánh giá và sử dụng thông tin liên quan đến sức khỏe trực tuyến có ảnh hưởng đến hạnh phúc chủ quan của SV. Kết quả nghiên cứu này được củng cố bởi nghiên cứu của Chen và cộng sự năm 2022 và 2023 khi chỉ ra rằng NLTTSK cho phép đưa ra các quyết định lành mạnh, cải thiện các hành vi bảo vệ và tuân thủ các biện pháp liên quan đến Covid-19, đặc biệt trong thời đại bùng nổ thông tin, từ đó giúp SV tránh được đau khổ về tinh thần và duy trì sức khỏe.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để tìm hiểu quan điểm của SV về khái niệm và vai trò của NLTTSK, phương pháp nghiên cứu định tính đã được sử dụng, qua đó khuyến khích người tham gia nghiên cứu trình bày quan điểm về NLTTSK từ góc nhìn của chính họ.

Phương pháp thu thập dữ liệu

Nghiên cứu đã sử dụng Facebook để xây dựng một nhóm thảo luận gồm SV của

các trường đại học tại TP.HCM. Hai câu hỏi thảo luận đã được lần lượt đăng tải trong nhóm. Câu hỏi thứ nhất tập trung tìm hiểu quan điểm của SV về khái niệm NLTTSK, hay nói cách khác là tìm hiểu cách họ định nghĩa khái niệm NLTTSK. Câu hỏi thứ hai được đăng tải sau khi thời gian thảo luận cho câu hỏi thứ nhất kết thúc với nội dung xoay quanh vấn đề vai trò của NLTTSK đối với bản thân SV và cộng đồng. Với mỗi câu hỏi, SV có hai tuần để tham gia thảo luận.

Chiến lược lấy mẫu thuận tiện đã được sử dụng để mời SV tham gia vào nhóm thảo luận Facebook. Lời mời tham gia nhóm thảo luận đã được gửi đến SV thông qua các trang Facebook đoàn, hội của các trường đại học tại TP.HCM. Nhóm thảo luận Facebook đã được cài đặt ở chế độ riêng tư. Để đảm bảo người tham gia thảo luận là SV của các trường đại học tại TP.HCM, nhóm nghiên cứu đã kiểm tra thẻ SV trước khi chấp nhận các yêu cầu tham gia nhóm thảo luận. Kết quả có 50 SV tình nguyện tham gia thảo luận.

Phương pháp phân tích dữ liệu

Các bình luận của SV được thu thập và đưa vào tệp Excel. Nhằm đảm bảo tính ẩn danh, mỗi tài khoản Facebook của SV đã được mã hoá bằng ký hiệu ID kèm số thứ tự từ 1 đến 50.

Nội dung trong các bình luận được phân tích theo chủ đề. Cụ thể, nghiên cứu xác định hai chủ đề chính trước khi phân tích dữ liệu gồm: định nghĩa về khái niệm NLTTSK, vai trò của NLTTSK. Các chủ đề con tiếp tục được xác định thông qua việc phân tích nội dung của các bình luận. Khi trình bày kết quả nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã chọn lọc các bình luận nhằm đảm bảo tính đại diện của các ý kiến.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Nhận thức về khái niệm năng lực thông tin sức khỏe

Kết quả phân tích dữ liệu từ Facebook cho thấy SV có nhận thức khác nhau đối với khái niệm NLTTSK. Một cách khái quát, nhận thức về khái niệm NLTTSK của SV có thể được chia thành hai nhóm, bao gồm: (1) NLTTSK là nhóm các kỹ năng thông tin về sức khỏe, (2) NLTTSK là nhóm kỹ năng chăm sóc sức khỏe.

NLTTSK là nhóm các kỹ năng thông tin về sức khỏe:

Khi thảo luận về khái niệm NLTTSK, phần lớn ý kiến được SV đăng tải thể hiện cách hiểu khá bao quát và toàn diện về nội hàm của thuật ngữ NLTTSK. Có đến 36 trong tổng số 50 SV tham gia thảo luận nhận định rằng NLTTSK là một tập hợp các kỹ năng thông tin mà mỗi cá nhân cần đạt được để tương tác hiệu quả với thông tin về sức khỏe. Các kỹ năng thông tin này bao gồm xác định nhu cầu thông tin sức khỏe, tìm kiếm, đánh giá, lựa chọn và sử dụng thông tin phù hợp để giải quyết vấn đề liên quan đến sức khỏe một cách hiệu quả. Đáng lưu ý, một số phát biểu đề cập đến các phạm vi và khả năng khác của NLTTSK đã được ghi nhận khi phân tích sâu hơn ý kiến thể hiện nhận thức theo nhóm các kỹ năng thông tin này của SV.

Thứ nhất, SV diễn giải chi tiết về vai trò, giá trị của thông tin sức khỏe. Qua đó cho thấy SV hiểu khái niệm NLTTSK toàn diện hơn. Cụ thể, có 05 SV cho rằng NLTTSK phải bao gồm khả năng ra quyết định hoặc thực hiện hành động cụ thể để giải quyết vấn đề sức khỏe dựa trên thông tin tìm được. Những câu trả lời sau đây chứng minh cho nhận định này:

NLTTSK liên quan đến khả năng tìm kiếm, đánh giá tính đáng tin cậy của thông tin, hiểu, áp dụng thông tin sức khỏe vào việc quyết định và hành động về sức khỏe cá nhân (ID17).

NLTTSK bao gồm khả năng đánh giá tính tin cậy của thông tin, tìm kiếm và lựa chọn thông tin phù hợp, hiểu và áp dụng thông tin sức khỏe vào quyết định và hành động cá nhân liên quan đến sức khỏe (ID20).

Thứ hai, SV cũng nhấn mạnh rằng NLTTSK được biểu hiện qua khả năng hiểu được vấn đề sức khỏe của bản thân, xác định nhu cầu thông tin sức khỏe và có thể diễn đạt được nhu cầu này với bác sĩ hoặc nhân viên y tế khi cần. Tiêu biểu như ý kiến sau:

Người có NLTTSK có thể nhận biết nhu cầu thông tin về sức khỏe của bản thân, xác định được vấn đề sức khỏe đang được quan tâm [...] hiểu được nhu cầu sức khỏe của bản thân giúp nâng cao khả năng truyền đạt nhu

cầu đó với những người khác khi cần thiết như trao đổi với bác sĩ tư vấn (ID29).

Tuy nhiên, dữ liệu thu thập được từ Facebook cũng cho thấy, có những SV nhận thức khái niệm NLTTSK giới hạn trong việc tương tác với nguồn tài nguyên thông tin sức khỏe số và sử dụng nhóm các kỹ năng thông tin trong môi trường số.

NLTTSK là khả năng hiểu biết và sử dụng thông tin về sức khỏe một cách hiệu quả trên môi trường số. Bao gồm việc tìm kiếm, xác định và đánh giá nguồn tin, xử lý thông tin, lựa chọn, đọc, hiểu và áp dụng thông tin sức khỏe từ các nguồn trực tuyến, ứng dụng di động, các thiết bị y tế thông minh và các hệ thống thông tin sức khỏe kỹ thuật số khác (ID23).

Cùng quan điểm này nhưng trong bối cảnh chuyển đổi số nhanh chóng của ngành y tế, sự gia tăng số lượng các hệ thống và ứng dụng tư vấn, chăm sóc trực tuyến thì vấn đề bảo mật thông tin cũng được SV quan tâm. Có 02 phát biểu nhấn mạnh rằng, NLTTSK cần phải bao gồm cả khả năng truy cập, sử dụng an toàn, bảo mật thông tin cá nhân trên internet và khi sử dụng các thiết bị công nghệ tìm kiếm thông tin sức khỏe hoặc khi dùng các ứng dụng theo dõi sức khỏe, y tế trên các thiết bị di động. Cụ thể, SV trình bày như sau:

NLTTSK bao gồm hiểu biết về quyền riêng tư và bảo mật, biết cách bảo vệ thông tin cá nhân và y tế trực tuyến (ID34).

NLTTSK là khả năng của một người để tìm hiểu, đánh giá, hiểu và sử dụng thông tin về sức khỏe một cách hiệu quả và an toàn thông qua các công nghệ số, như Internet, ứng dụng di động, thiết bị y tế thông minh và các nguồn thông tin điện tử khác (ID26).

NLTTSK là nhóm kỹ năng chăm sóc sức khỏe bản thân:

Kết quả phân tích dữ liệu nghiên cứu cho thấy, có khoảng một phần ba SV (14/50 SV) tham gia thảo luận cho rằng NLTTSK là khả năng chăm sóc sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần của các cá nhân. Nội dung chăm sóc sức khỏe bao gồm những vấn đề chính như ăn uống lành mạnh, vận động thể chất, quản lý căng thẳng và duy trì mối quan hệ với người khác. Những ý kiến dưới đây cho thấy khái niệm NLTTSK được

hiểu là nhóm khả năng chăm sóc sức khỏe.

NLTTSK là những khả năng chăm sóc sức khỏe của bản thân về mặt thể chất và tinh thần trong cuộc sống hàng ngày của cá nhân (ID7).

NLTTSK bao gồm các hoạt động như chăm sóc sức khỏe cá nhân, ăn uống lành mạnh, vận động thể lực, quản lý căng thẳng và tâm lý, duy trì quan hệ tốt trong gia đình và cộng đồng, tạo dựng môi trường làm việc và sống lành mạnh (ID23).

Khả năng chăm sóc sức khỏe cũng được một số SV bổ sung rằng đó là việc một cá nhân có thể tìm và tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Dưới đây là một ý kiến tiêu biểu.

NLTTSK là khả năng tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe theo dõi sức khỏe của bản thân (ID06).

Tương tự như trên, nhưng một vài bình luận đề cập đến vai trò của các yếu tố công nghệ trong cách tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe, y tế. Cụ thể, SV nhận định NLTTSK là năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông để tìm kiếm, sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe được cung cấp qua mạng internet.

NLTTSK là việc sử dụng các kỹ năng, kiến thức kỹ thuật số trong y tế như chăm sóc sức khỏe từ xa, đặt lịch hẹn trực tuyến để giải quyết vấn đề sức khỏe (ID02).

Một cách tổng quát, dữ liệu thu thập được từ Facebook cho thấy, phần lớn SV có nhận thức đầy đủ về nội hàm của thuật ngữ NLTTSK khi cho rằng đó là nhóm các kỹ năng theo quy trình gồm xác định nhu cầu thông tin, định vị, đánh giá và sử dụng hiệu quả thông tin để giải quyết các vấn đề sức khỏe của con người. Bên cạnh đó, một bộ phận SV cho rằng, NLTTSK là khả năng tự chăm sóc sức khỏe hoặc khả năng tìm kiếm, sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe khi cần. Tựu chung lại, họ đều nhận diện NLTTSK là năng lực thông tin đối với các chủ đề liên quan đến sức khỏe nhằm giúp các cá nhân chăm sóc và giải quyết các vấn đề sức khỏe trong quá trình sống của họ.

3.2. Nhận thức về vai trò của năng lực thông tin sức khỏe

Mục đích thứ hai của nghiên cứu là làm

rõ nhận thức của SV về vai trò của NLTTSK. Rất thú vị khi dữ liệu phân tích được hai loại vai trò của NLTTSK với bản thân và với cộng đồng.

Vai trò của NLTTSK đối với bản thân:

Tất cả SV tham gia thảo luận đều nhận thức được rằng NLTTSK không chỉ giúp họ mở rộng kiến thức về sức khỏe mà còn ảnh hưởng tích cực đến thái độ và hành vi về sức khỏe của bản thân. Họ có những lập luận như sau:

Thứ nhất, NLTTSK giúp nâng cao hiểu biết về sức khỏe và năng lực của cá nhân để đáp ứng những nhu cầu phức tạp về sức khỏe. Từ đó, SV có thể chủ động quản lý sức khỏe bản thân và lựa chọn các hành động bảo vệ, tăng cường sức khỏe phù hợp. Những ví dụ dưới đây chứng minh vai trò của NLTTSK đối với ý thức chăm sóc sức khỏe bản thân của SV:

NLTTSK giúp nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc chăm sóc sức khỏe, từ đó giúp xây dựng được lối sống lành mạnh (ID22).

NLTTSK giúp tự quản lý sức khỏe và đưa ra quyết định thông minh về chế độ ăn uống, vận động, giấc ngủ và quản lý khi căng thẳng (ID17).

SV cần NLTTSK để quản lý các vấn đề liên quan đến bệnh tật, biết cách điều chỉnh chế độ dinh dưỡng, lập kế hoạch phát triển thể chất, tinh thần và hoạt động thể lực hợp lý (ID38).

Thứ hai, NLTTSK giúp SV phát triển năng lực tư duy phản biện, xác định được vấn đề sức khỏe và nhu cầu thông tin sức khỏe của bản thân. Trên cơ sở đó, họ có thể định vị, đánh giá, sử dụng thông tin sức khỏe hiệu quả. Hiện nay, môi trường thông tin ngày càng có nhiều sự thay đổi dưới tác động của công nghệ số. Thêm vào đó, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông mở rộng khả năng tìm kiếm và truy cập đến các nguồn thông tin sức khỏe trực tuyến. Điều này đòi hỏi mỗi cá nhân phải phát triển NLTTSK để lựa chọn được thông tin đáng tin cậy, có giá trị và phù hợp nhằm giải quyết những vấn đề sức khỏe của bản thân. Lập luận dưới đây cho thấy quan điểm này của SV:

SV có NLTTSK có khả năng nhận biết nhu cầu thông tin về sức khỏe của bản thân, diễn đạt chúng thành các thuật ngữ tìm kiếm [...] NLTTSK sẽ giúp họ biết kỹ năng khai thác, phân tích, đánh giá, tổng hợp và sử dụng thông tin về sức khỏe hiệu quả (ID36).

Cùng nhận thức nêu trên, một SV đăng tải bình luận chi tiết về vai trò của NLTTSK đối với việc lựa chọn, đánh giá thông tin như sau:

NLTTSK giúp SV phân biệt thông tin đúng và thông tin sai lệch, biết những gì nên và không nên làm để phòng tránh những hành vi sai lầm gây ảnh hưởng đến sức khỏe (ID10).

Thứ ba, trong bối cảnh số lượng nguồn tài nguyên trực tuyến về sức khỏe phát triển ngày càng đa dạng và gia tăng nhanh chóng, SV cho rằng NLTTSK giúp họ có khả năng tự giải đáp thắc mắc về vấn đề sức khỏe, có thể hiểu sâu hơn về tình trạng mà mình đang gặp phải và đưa ra quyết định phù hợp liên quan đến các vấn đề sức khỏe bản thân như sử dụng thuốc hoặc sử dụng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe.

NLTTSK giúp SV chủ động tiếp cận dịch vụ y tế, điều trị, các phương pháp chăm sóc sức khỏe (ID11).

Thứ tư, mặc dù bác sĩ và nhân viên y tế luôn là nguồn cung cấp thông tin sức khỏe có độ tin cậy cao nhất nhưng SV giải thích thêm rằng, NLTTSK giúp họ hiểu rõ những điều gì họ có thể làm được để tự bảo vệ và ngăn ngừa lây nhiễm bệnh tật cho bản thân cũng như lây lan bệnh trong cộng đồng bằng những khả năng của chính họ.

NLTTSK giúp kiểm soát được lây lan các bệnh có thể lây truyền cho cộng đồng, ý thức trách nhiệm với bản thân và cộng đồng (ID14).

Hiểu một cách tổng quát, NLTTSK có vai trò quan trọng đối với mỗi cá nhân SV. NLTTSK giúp họ nâng cao kiến thức sức khỏe, có thái độ tích cực đối với sức khỏe bản thân và giải quyết vấn đề sức khỏe bản thân một cách chủ động.

Vai trò của NLTTSK đối với cộng đồng:

Bên cạnh việc nhận thức về vai trò của NLTTSK đối với bản thân, gần một nửa số lượng SV tham gia thảo luận (24/50 SV)

đã nêu bật nhận thức của họ về vai trò của NLTTSK đối với cộng đồng.

NLTTSK giúp SV không chỉ trang bị được kiến thức tối thiểu, cơ bản nhất để họ có thể xử trí đúng khi gặp vấn đề về sức khỏe mà còn giúp họ thay đổi những cách nghĩ, lối sống có hại cho sức khỏe và tự phòng bệnh cho gia đình, người thân và cho xã hội. Trên cơ sở nâng cao hiểu biết về sức khỏe, SV có thể chủ động chia sẻ thông tin sức khỏe cho cộng đồng nơi họ đang sinh sống. Điều này dẫn đến thay đổi tích cực trong giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng và xã hội nói chung. Dưới đây là hai ý kiến tiêu biểu.

NLTTSK giúp SV nhận biết, hiểu và quan tâm đến những vấn đề sức khỏe mà mình hay những người xung quanh gặp phải để có biện pháp ngăn chặn, phòng tránh kịp thời, đưa ra lời khuyên hợp lý, đúng đắn (ID09).

Khi có NLTTSK, SV có thể giúp mình và mọi người xung quanh chẩn - chữa bệnh đúng đắn, phù hợp, không bị “tiền mất tật mang” (ID40).

Thêm vào đó, SV cũng cho rằng, người có NLTTSK sẽ ứng phó tốt với các khủng hoảng sức khỏe cộng đồng, nâng cao chất lượng sức khỏe của các cộng đồng trong xã hội.

NLTTSK giúp SV có thể bảo vệ được sức khỏe của mình và cộng đồng (ID19).

NLTTSK giúp kiểm soát các bệnh có thể lây truyền cho cộng đồng, giúp SV có trách nhiệm với cộng đồng (ID41).

Nhìn chung, SV đã có nhận thức nhất định về vai trò của NLTTSK đối với sức khỏe cộng đồng. Khi có NLTTSK, SV có thể góp phần bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho gia đình và cộng đồng.

4. THẢO LUẬN

Tất cả SV tham gia thảo luận đã trình bày quan điểm về khái niệm và vai trò của NLTTSK mặc dù cách diễn đạt và mức độ cụ thể khi diễn giải nội dung có phần khác nhau. Với các thảo luận về khái niệm NLTTSK, hai nhóm ý kiến được nhận diện trong nghiên cứu này cho thấy cách hiểu của SV khá tương đồng với nội dung của các phát biểu trong những tài liệu đã công bố khi coi NLTTSK là khả năng tương tác

với thông tin nhằm đưa ra các quyết định cho việc chăm sóc sức khỏe. Cụ thể, phần lớn các ý kiến đã mô tả năng lực này như là năng lực tương tác với các loại thông tin liên quan đến sức khỏe từ giai đoạn tìm kiếm đến sử dụng thông tin. Nhận thức của những SV này đã phản ánh nội hàm của khái niệm NLTTSK đúng như cách tiếp cận của các cơ quan và các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực thông tin-thư viện, ví dụ như của Hiệp hội Thư viện Y khoa Hoa Kỳ [Shipman et al., 2009], Htay et al. (2022) và Afshar et al. (2022). Bên cạnh đó, một bộ phận SV có phần giới hạn phạm vi của khái niệm này khi chỉ tập trung mô tả NLTTSK như là loại năng lực thông tin giúp họ hoặc tiếp cận được các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, hoặc tự chăm sóc sức khỏe. Ở đây, có thể thấy rằng NLTTSK đi kèm với nhận thức và kỹ năng xã hội khi sử dụng thông tin giúp chăm sóc và xử lý các vấn đề về sức khỏe. Cách tiếp cận này tương đồng với quan niệm của các tác giả trong lĩnh vực y tế như Nutbeam (1998), Nutbeam và Muscat (2021). Ngoài ra, với bối cảnh chuyển đổi số, nhận thức của SV về NLTTSK còn bao gồm năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong việc tương tác với thông tin để tiếp cận với dịch vụ y tế cũng như chăm sóc sức khỏe. Quan niệm này là một sự tương đồng với ý kiến của Htay et al. (2022).

Với các thảo luận về vai trò của NLTTSK, tương tự như khám phá của các tác giả Vajæan và Baban (2015), Chen et al. (2022) và Chen et al. (2023), nghiên cứu này tìm thấy các ý kiến xác nhận NLTTSK giúp mỗi cá nhân kiểm soát và chăm sóc sức khỏe. Hơn thế nữa, nghiên cứu còn tìm thấy những ý kiến nhấn mạnh đến vai trò của NLTTSK đối với cộng đồng thông qua việc NLTTSK giúp họ thay đổi cách nghĩ, lối sống có hại cho sức khỏe và phòng bệnh cho gia đình, người thân và cho xã hội, chủ động chia sẻ thông tin sức khỏe cho cộng đồng, ứng phó tốt với các khủng hoảng sức khỏe cộng đồng, nâng cao chất lượng sức khỏe của cộng đồng.

Như vậy, kết quả nghiên cứu đã củng cố và minh họa thêm cho những nội dung của khái niệm và vai trò của NLTTSK; đồng thời có một đóng góp mới khi nhận diện được vai trò của NLTTSK đối với cộng đồng.

KẾT LUẬN

Dựa trên các bình luận của SV được đăng tải trên Facebook, nghiên cứu đã nhận diện được mức độ nhận thức của SV TP.HCM về khái niệm và vai trò của NLTTSK. Kết quả phân tích dữ liệu thu được cho thấy phần lớn SV tham gia thảo luận nhận thức khái niệm NLTTSK là nhóm các kỹ năng thông tin theo quy trình gồm xác định nhu cầu thông tin sức khỏe, tìm kiếm, đánh giá, sử dụng thông tin sức khỏe một cách hiệu quả và có thái độ sẵn sàng chia sẻ hiểu biết sức khỏe của mình với mọi người. Hơn nữa, nghiên cứu cũng ghi nhận được rằng, tất cả SV tham gia thảo luận đều có nhận thức tích cực về vai trò của NLTTSK đối với sức khỏe bản thân. Ngoài ra, SV cũng nhận thức được tầm quan trọng của NLTTSK đối với việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Có thể khái quát rằng, NLTTSK giúp SV hiểu biết về y tế và sức khỏe toàn diện, sâu sắc hơn. Trên cơ sở đó, SV có thể nhận ra các vấn đề sức khỏe liên quan đến bản thân, gia đình, cộng đồng và đưa ra quyết định sức khỏe phù hợp. Trong bối cảnh các nguồn tài nguyên sức khỏe số phát triển nhanh chóng, internet và các kênh truyền thông xã hội đang dần trở thành nơi thu thập thông tin sức khỏe phổ biến thì việc phát triển NLTTSK để SV duy trì được sức khỏe tốt, tiếp cận được các nguồn tin có giá trị là rất cần thiết. Theo đó, một khuyến nghị được đưa ra là nghiên cứu trong tương lai cần được thực hiện để xây dựng, phát triển mô hình NLTTSK cho SV, đưa ra hướng phát triển chương trình giáo dục NLTTSK trong các cơ sở giáo dục tại Việt Nam nhằm nâng cao hiểu biết của SV về sức khỏe.

Trong giới hạn nguồn lực cho phép, nghiên cứu tập trung phân tích dữ liệu định tính được thu thập từ các thảo luận của một nhóm gồm 50 SV. Việc kết hợp nhiều nguồn dữ liệu và triển khai thu thập dữ liệu với quy mô mẫu lớn hơn có thể cung cấp sự hiểu biết toàn diện hơn về quan điểm của SV đối với khái niệm và vai trò của năng lực thông tin sức khỏe.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Afshar, P. P., Keshavarz, F., Salehi, M., Moghadam, R. F., Khajoui, E., Nazari, F., & Dehghan, M. (2022). Health literacy

and media literacy: Is there any relation? International Quarterly of Community Health Education, 42(2), 195-201.

2. Chen, S.-C., Hong Nguyen, N. T., Lin, C.-Y., Huy, L. D., Lai, C.-F., Dang, L. T., Truong, N. L. T., Hoang, N. Y., Nguyen, T. T. P., Phan, T. N., Okan, O., & Duong, T. V. (2023). Digital health literacy and well-being among university students: Mediating roles of fear of COVID-19, information satisfaction, and internet information search. Digital Health, 9. <https://doi.org/10.1177/20552076231165970>

3. Chen, S.-C., Huy, L. D., Lin, C.-Y., Lai, C.-F., Nguyen, N. T. H., Hoang, N. Y., Nguyen, T. T. P., Dang, L. T., Truong, N. L. T., Phan, T. N., Phan, T. N., & Duong, T. V. (2022). Association of digital health literacy with future anxiety as mediated by information satisfaction and fear of Covid-19: A pathway analysis among Taiwanese students. International Journal of Environmental Research and Public Health, 19(23), 15617. <https://doi.org/10.3390/ijerph192315617>

4. Fu, S., Chen, X., & Zheng, H. (2021). Exploring an adverse impact of smartphone overuse on academic performance via health issues: a stimulus-organism-response perspective. Behaviour and Information Technology, 40(7), 663-675. <https://doi.org/10.1080/0144929X.2020.1716848>

5. Htay, M. N. N., Parial, L. L., Tolabing, Ma. C., Dadaczynski, K., Okan, O., Leung, A. Y. M., & Su, T. T. (2022). Digital health literacy, online information seeking behaviour, and satisfaction of Covid-19 information among the university students of East and South-East Asia. PLoS ONE, 17(4), 1-17.

6. Nazeer, M. N. M., Baig, H., Subeh, A., Khan, Q. I., Majeed, S. A., & Ashraf, M. A. (2022). Multicentric analysis of the perceptions and knowledge of digital health amongst undergraduate medical students. Scottish Medical Journal, 67(2), 56-63. <https://doi.org/10.1177/00369330221080749>

7. Nguyen, H. T. L., Vo, T. H. M., Tran, T. M. L., Dadaczynski, K., Okan, O., Murray, L., & Vo, V. T. (2021). Digital health literacy about COVID-19 as a factor mediating the

association between the importance of online information search and subjective well-being among university students in Vietnam. Frontiers in Digital Health, 3, 1-10.

8. Nutbeam, D. (1998). Health promotion glossary. Health Promotion International, 13(4), 349-364.

9. Nutbeam, D., & Muscat, D. M. (2021). Health promotion glossary 2021. Health Promotion International, 36(6), 1578-1598.

10. Rennis, L., McNamara, G., Seidel, E., & Shneyderman, Y. (2015). Google It!: Urban Community College Students' Use of the Internet to Obtain Self-care and Personal Health Information. College Student Journal, 49(3), 414-426.

11. Shipman, J. P., Kurtz-Rossi, S., & Funk, C. J. (2009). The health information literacy research project. Journal of the Medical Library Association, 97(4), 293-301.

12. Sørensen, K., Van den Broucke, S., Fullam, J., Doyle, G., Pelikan, J., Slonska, Z., & Brand, H. (2012). Health literacy and public health: A systematic review and integration of definitions and models. BMC Public Health, 80(12), 1-13.

13. Thủ tướng Chính phủ (2018). Quyết định số 1092/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam. <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=194685>

14. Tổng cục Thống kê (2022). Số sinh viên các trường đại học phân theo địa phương. <https://www.gso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V1019&theme=Gi%C3%A1o%20d%E1%BB%A5c>

15. UNICEF (2018). Sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội của trẻ em và thanh niên tại một số tỉnh và thành phố ở Việt Nam. <https://www.unicef.org/vietnam/media/1016/file/B%C3%A1o%20c%C3%A1o%20t%C3%B3m%20t%E1%BA%Aft.pdf>

16. Văjăean, C. C., & Baban, A. (2015). Emotional and behavioral consequences of online health information-seeking: The role of eHealth literacy. Cognition, Brain, Behavior, 19(4), 327-345.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 4-8-2023; Ngày phản biện đánh giá: 2-9-2023; Ngày chấp nhận đăng: 15-10-2023).